

Số: 04 /BC-KTXH

Đắk Song, ngày 23 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO THẨM TRA**  
**Về việc phân bổ kế hoạch vốn thực hiện**  
**03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND huyện. Để chủ động triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) năm 2024 trên địa bàn huyện sát, đúng với yêu cầu thực tế của huyện, phù hợp với Luật Đầu tư công, mang lại hiệu quả và kịp tiến độ. Ban Kinh tế - Xã hội tiến hành thẩm tra Tờ trình số 21/TTr-UBND, ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về “*thông qua phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024*”, nội dung cụ thể như sau:

**I. Cân đối ngân sách nhà nước phân bổ vốn kế hoạch thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024: 65.809 Tr.đồng, trong đó:**

1. Ngân sách trung ương: 49.769 triệu đồng;
2. Ngân sách tỉnh: 1.040 triệu đồng;
3. Ngân sách huyện quản lý: 15.000 triệu đồng.

**II. Kế hoạch phân bổ vốn: 65.809 Tr.đồng, cụ thể:**

1. CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 24.102 triệu đồng, gồm:
  - a) Ngân sách trung ương: 11.214 triệu đồng;
  - b) Ngân sách huyện quản lý: 12.888 triệu đồng.
2. CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 31.850 triệu đồng, gồm:
  - a) Ngân sách trung ương: 28.997 triệu đồng;
  - b) Ngân sách tỉnh: 753 triệu đồng;
  - c) Ngân sách huyện quản lý: 2.100 triệu đồng.
3. CTMTQG giảm nghèo bền vững: 9.857 triệu đồng, gồm:
  - a) Ngân sách trung ương: 9.558 triệu đồng;



- b) Ngân sách tỉnh: 287 triệu đồng;  
c) Ngân sách huyện quản lý: 12 triệu đồng.

*(Chi tiết như phụ lục kèm theo)*

### **III. Nhận xét, đề nghị**

Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2024 được xây dựng theo các quy định của pháp luật hiện hành; các Nghị quyết của HĐND tỉnh có liên quan và Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Qua xem xét, Ban KT – XH cơ bản thống nhất với mục tiêu, nguyên tắc lập và phân bổ vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2024 trên địa bàn huyện. Việc phân bổ vốn cho các chương trình: xây dựng nông thôn mới; phát triển KT – XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm nghèo bền vững (như phụ lục đính kèm) là hợp lý, nhằm phát triển KT - XH, đảm bảo QP - AN, đặc biệt là việc hoàn thành kế hoạch huyện đạt chuẩn NTM vào năm 2025.

Ngoài các nội dung trên, Ban KT - XH đề nghị UBND huyện quan tâm một số nội dung sau:

+ Việc phân bổ vốn triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG phải tuân thủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019; các nghị định, thông tư sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành của bộ, ngành Trung ương; các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh Đắk Nông và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Quy định rõ trách nhiệm và cam kết trong việc huy động và bố trí vốn thực hiện các Chương trình MTQG để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra của chương trình. Ngoài nguồn ngân sách Nhà nước, chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, vận động các nguồn vốn đóng góp từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách để tổ chức thực hiện các công trình, dự án.

+ Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật và tạo quyền chủ động cho các cơ quan, đơn vị và cấp chính quyền địa phương.

+ Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn NSNN và vốn huy động đóng góp của Nhân dân; quản lý tốt chất lượng các công trình xây dựng cơ bản. Chỉ đạo cơ quan chức năng thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện, sử dụng các nguồn vốn 03 Chương trình MTQG; kịp thời chấn chỉnh những sai sót, xử lý nghiêm vi phạm theo quy định pháp luật.

+ Khuyến khích, tăng cường hơn nữa sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện các Chương trình MTQG. Cần phải có cơ chế đảm bảo để người dân được tham gia vào bàn bạc, quyết định một số nội dung như: quyết định các vấn đề đầu tư, cách thức triển khai, giám sát việc đóng góp, huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình. Qua đó, tạo động lực và coi người dân là chủ thể chính để thực hiện mục tiêu về giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban KT-XH HĐND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024. Kính trình HĐND huyện xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Huyện uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**TRƯỞNG BAN**



**Lê Ngọc Phúc**



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024**  
 (Kèm theo Báo cáo tham vấn số 04/BC-KTXH ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện Đắk Song)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung/Dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2024										Huy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:										
					Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							
					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện					
ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN		Tổng	ĐTPT	SN							
	<b>TỔNG CỘNG A+B+C</b>	178,740	80,404	65,809	49,769	35,979	13,790	1,040	655	385	15,000	15,000	0	2,548	
<b>A</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI</b>	100,192	50,714	31,850	28,997	26,793	2,204	753	650	103	2,100	2,100	0	0	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	572	1,308	745	745	0	745	0	0	0	0	0	0	0	
1	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Trường Xuân		640	320	320		320	0			0				
2	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Đắk N'Drung		410	220	220		220	0			0				
3	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Đắk Mól		175	110	110		110	0			0				
4	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Thuận Hà		83	95	95		95	0			0				
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>	84,000	36,642	22,326	21,776	21,776	0	150	150	0	400	400	0	0	
	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Bu Páh, bon N'Jang Bơ, bon Ding Plei, xã Trường Xuân và bon Bu N'Drung, bon N'Jang Lu, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (Ban QLDA&PTQĐ huyện Đắk Song)		36,642	22,326	21,776	21,776	0	150	150		400	400			
<b>III</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị</b>	1,977	1,977	393	360	0	360	33	0	33	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		1,069	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng bền vững, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN		908	393	360	0	360	33	0	33	0	0	0	0	
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng bền vững, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN xã Trường Xuân		236	216		216	20		20		0				
2.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng bền vững, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN xã Đắk N'Drung		157	144		144	13		13		0				
<b>IV</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</b>	7,107	2,671	2,589	2,589	2,239	350	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2,671	2,589	2,589	2,239	350	0	0	0	0	0	0	0	
1	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã Trường Xuân đã đầu tư giai đoạn trước		246	210	210		210	0		0	0				
2	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã Đắk N'Drung đã đầu tư giai đoạn trước		163	140	140		140	0		0	0				
3	Kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp tại cánh đồng bon N'Jang Lu, xã Đắk N'Drung		742	957	957	957	0	0	0	0	0				
4	Đường từ Cầu Jang Play 2 đến Đốc Bình Định bon Bu Páh, xã Trường Xuân		820	640	640	640	0	0	0	0	0				
5	Đường từ ngã ba Y Chá đến nhà ông Long bon N'Jang Bơ, xã Trường Xuân		700	642	642	642	0	0	0	0	0				
<b>V</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	112	61	61	61	0	61	0	0	0	0	0	0	0	
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp (Phòng Dân tộc)		112	61	61		61	0		0	0				
<b>VI</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	8,482	2,318	5,069	2,834	2,739	95	535	500	35	1,700	1,700	0	0	
1	Phòng Văn hoá và Thông tin		1,270	130	95		95	35		35	0				
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn văn hoá truyền thống N'Jang Lu, xã Đắk N'Drung		718	4,769	2,739	2,739	0	500	500	0	1,530	1,530			
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hoá bon N'run Lu, xã Đắk N'Drung		165	85	0		0	0	0	0	85	85			
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hoá bon Ding Plei, xã Trường Xuân		165	85	0		0	0	0	0	85	85			
<b>VII</b>	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>		394	0	0				0		0				

Stt	Nội dung/Dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Luỹ kế vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2024									Huy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Huy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác		
					Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương							
					Tổng số	Trong đó:	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện					
	ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN						
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		339	304	304	0	304	0	0	0	0	0	0	
	Hội Liên Hiệp phụ nữ huyện		339	304	304		304	0	0	0	0	0	0	
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		4,773	131	131	0	131	0	0	0	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển KT-XH các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù		4,559	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Tiểu dự án 2: Giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc và MN		214	131	131	0	131	0	0	0	0	0	0	
	Phòng Dân tộc		214	131	131		131	0	0	0	0	0	0	
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	31	180	232	197	39	158	35	0	35	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý; truyền thông...		172	187	152	0	152	35	0	35	0	0	0	
	Phòng Dân tộc		172	187	152		152	35	0	35	0	0	0	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		6	39	39	39	0	0	0	0	0	0	0	
	Phòng Dân tộc		6	39	39	39	0	0	0	0	0	0	0	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, tập huấn		2	6	6	0	6	0	0	0	0	0	0	
	Phòng Dân tộc		2	6	6		6	0	0	0	0	0	0	
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHEO BỀN VỮNG	6,450	15,683	9,857	9,558	165	9,393	287	5	282	12	12	0	
I	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		4,157	4,262	4,138	0	4,138	124	0	124	0	0	0	
1.1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội													
	Hỗ trợ vật tư nông nghiệp, cây giống, con giống		4,157	4,262	4,138		4,138	124		124	0			
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		1,825	1,586	1,540	0	1,540	46	0	46	0	0	0	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		1,825	1,586	1,540	0	1,540	46	0	46	0	0	0	
1.1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn													
	Hỗ trợ vật tư nông nghiệp, cây giống, con giống		1,825	1,586	1,540		1,540	46		46	0	0		
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	6,450	8,941	3,243	3,137	165	2,972	94	5	89	12	12	0	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			2,791	2,710	0	2,710	81	0	81	0	0	0	
1.1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và GDTX													
	Đào tạo nghề			650	631		631	19		19	0	0		
1.2	UBND các xã, thị trấn													
	Khảo sát nhu cầu đào tạo nghề			270	262		262	8		8	0	0		
1.3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội													
	- Công tác truyền thông về GDNN			1,871	1,817		1,817	54		54	0	0		
	- Mua sắm trang thiết bị dạy học cho TT GDNN; Khảo sát nhu cầu đào tạo nghề													
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			452	427	165	262	13	5	8	12	12	0	
1.1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội													
	Xây dựng, hiện đại trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác lao động, việc làm.			182	165	165		5	5		12	12	0	
1.2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội													
	+ Hỗ trợ giao dịch việc làm; + Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; + Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; + Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.			270	262		262	8		8	0	0		
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		0	147	143	0	143	4	0	4	0	0	0	
1	Tiểu dự án 2: Truyền thông và giảm nghèo đa chiều													
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội			147	143		143	4		4	0	0		
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình		760	619	600	0	600	19	0	19	0	0	0	



Stt	Nội dung/Dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2024									Huy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó:										
					Ngân sách trung ương				Ngân sách địa phương						
					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện					
ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN		Tổng	ĐTPT	SN							
1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội														
	- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực giám sát			90	87	87	3		3	0		0			
	- Giám sát chương trình cấp huyện			49	48	48	1		1	0		0			
	- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giám nghèo.			120	116	116	4		4	0		0			
2	UBND các xã, thị trấn														
	- Giám sát chương trình cấp xã, thị trấn.			360	349	349	11		11	0		0			
<b>C</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>	<b>72,098</b>	<b>14,006</b>	<b>24,102</b>	<b>11,214</b>	<b>9,021</b>	<b>2,193</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12,888</b>	<b>12,888</b>	<b>0</b>	<b>2,548</b>	
<b>1</b>	<b>Phân bổ cho dự án đã thực hiện năm 2022 và năm 2023</b>	<b>17,675</b>	<b>13,049</b>	<b>4,625</b>	<b>400</b>	<b>400</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4,225</b>	<b>4,225</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Đắk N'Drung</b>	<b>3,672</b>	<b>2,580</b>	<b>1,092</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,092</b>	<b>1,092</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
01	Đường giao thông thôn Đắk Kual 2 từ nhà ông Tư đến nhà ông Sáng	1,020	600	420	0	0	0	0	0	0	420	420	0	0	
02	Đường giao thông thôn Đắk Kual 3 đi nhà văn hóa	867	510	357	0	0	0	0	0	0	357	357	0	0	
03	Nhà văn hóa thôn Đắk R'Mo	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105	0	0	
04	Nhà văn hóa Bon Bu Boong	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105	0	0	
05	Nhà văn hóa thôn Đắk Tiên	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105	0	0	
<b>2</b>	<b>Xã Trường Xuân</b>	<b>3,162</b>	<b>2,571</b>	<b>591</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>591</b>	<b>591</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
06	Đường giao thông Jăng Plei 2 đi Jăng Plei 3	2,040	1,871	169	0	0	0	0	0	0	169	169	0	0	
07	Đường ngõ xóm thôn 9 (từ nhà ông Thịnh vào rẫy ông Chúc) xã Trường Xuân	1,122	700	422	0	0	0	0	0	0	422	422	0	0	
<b>3</b>	<b>Xã Đắk Mũi</b>	<b>7,177</b>	<b>5,575</b>	<b>1,602</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,602</b>	<b>1,602</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
08	Đường TL2 (Bon Rlông) đi xã Đức Minh	1,540	1,359	181	0	0	0	0	0	0	181	181	0	0	
09	Đường giao thông thôn Hà Nam Ninh (Từ đất ông Nguyễn Hữu Đức đến ngã ba đất ông Nguyễn Văn Thanh)	408	240	168	0	0	0	0	0	0	168	168	0	0	
10	Đường giao thông ngõ xóm thôn Hà Nam Ninh từ Ngã 3 đến nhà bà Trịnh Thị Vóc	102	60	42	0	0	0	0	0	0	42	42	0	0	
11	Đường GT thôn E29 (Từ nhà ông Vinh đến vườn ông Hải)	714	420	294	0	0	0	0	0	0	294	294	0	0	
12	Đường GT thôn E29 (Từ đường bê tông đến nhà ông Tuyên)	408	240	168	0	0	0	0	0	0	168	168	0	0	
13	Nhà văn hóa thôn Đắk Sơn 1	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105	0	0	
14	Nhà văn hóa Thôn E29	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105	0	0	
15	Nhà văn hóa thôn Hà Nam Ninh	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105	0	0	
16	Sửa chữa nâng cấp Nhà văn hóa Bon Bujri	298	245	53	0	0	0	0	0	0	53	53	0	0	
17	Sửa chữa nâng cấp Nhà văn hóa Bon A3	298	245	53	0	0	0	0	0	0	53	53	0	0	
18	Nhà văn hóa Bon Rlông	554	456	98	0	0	0	0	0	0	98	98	0	0	
19	Khu vui chơi giải trí xã	475	350	125	0	0	0	0	0	0	125	125	0	0	
20	Xây mới nhà văn hoá Thôn 4	595	490	105	0	0	0	0	0	0	105	105	0	0	
<b>4</b>	<b>Xã Nam Bình</b>	<b>1,479</b>	<b>1,173</b>	<b>305</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>305</b>	<b>305</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
21	Đường xóm 2 Thôn 6, xã Nam Bình (02 trục)	663	512	150	0	0	0	0	0	0	150	150	0	0	
22	Đường xóm 4 Thôn 7, xã Nam Bình	816	661	155	0	0	0	0	0	0	155	155	0	0	
<b>5</b>	<b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>2,185</b>	<b>1,150</b>	<b>1,035</b>	<b>400</b>	<b>400</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>635</b>	<b>635</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
23	Trường Tiểu học Lê Văn Tám; Hàng mục: Cải tạo, nâng cấp sân trường và nhà vệ sinh	1,045	550	495	200	200	0	0	0	0	295	295	0	0	
24	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu; Hàng mục: Xây mới nhà giáo dục thể chất, sân bê tông và tường rào	1,140	600	540	200	200	0	0	0	0	340	340	0	0	
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện năm 2024</b>	<b>22,108</b>	<b>0</b>	<b>17,284</b>	<b>8,621</b>	<b>8,621</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8,663</b>	<b>8,663</b>	<b>0</b>	<b>2,548</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Trường Xuân</b>	<b>4,708</b>	<b>0</b>	<b>4,708</b>	<b>2,354</b>	<b>2,354</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2,354</b>	<b>2,354</b>	<b>0</b>	<b>831</b>	
01	Đường giao thông bon Ta Mung	1,392	0	1,392	696	696	0	0	0	0	696	696	0	246	
02	Đường từ QL14 đi Thôn 6, xã Trường Xuân và đi xã Quảng Thành	2,210	0	2,210	1,105	1,105	0	0	0	0	1,105	1,105	0	390	
03	Đường giao thông bon Jăng Plei 3 (từ hộ ông Hoàng Văn Lương đến hộ ông Vũ Văn Dũng)	1,106	0	1,106	553	553	0	0	0	0	553	553	0	195	
<b>2</b>	<b>Xã Đắk N'Drung</b>	<b>3,264</b>	<b>0</b>	<b>3,263</b>	<b>1,629</b>	<b>1,629</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,634</b>	<b>1,634</b>	<b>0</b>	<b>576</b>	
04	Đường giao thông thôn Đắk Tiên đi thôn Đắk Kual 5	918	0	918	459	459	0	0	0	0	459	459	0	162	
05	Đường giao thông thôn Đắk Kual 2 đến nhà ông Tuyền	1,020	0	1,020	510	510	0	0	0	0	510	510	0	180	
06	Đường giao thông từ nhà ông Phú đi nhà ông Hựu thôn Đắk Kual	1,326	0	1,325	660	660	0	0	0	0	665	665	0	234	
<b>3</b>	<b>Xã Thuận Hạnh</b>	<b>306</b>	<b>0</b>	<b>306</b>	<b>153</b>	<b>153</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>153</b>	<b>153</b>	<b>0</b>	<b>54</b>	



Stt	Nội dung/Dự án	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Luỹ kế vốn đã phân bổ	Kế hoạch vốn năm 2024										Huy động đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:										
					Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương							
					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tỉnh			Ngân sách huyện				
ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN		Tổng	ĐTPT	SN							
07	Sửa chữa, nâng cấp xóm 2 thôn Thuận Trung (từ nhà ông Phương đến nhà ông Thê)	306	0	306	153	153	0	0	0	153	153	0	54		
<b>4</b>	<b>Xã Năm N'Jang</b>	<b>2,905</b>	<b>0</b>	<b>2,039</b>	<b>1,020</b>	<b>1,020</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,019</b>	<b>1,019</b>	<b>0</b>	<b>512</b>		
08	Đường từ thôn Bùng Bình đi thôn Đak Lư	541	0	541	271	271	0	0	0	270	270	0	95		
09	Đường giao thông xóm 2, Thôn 9, xã Năm N'Jang	2,210	0	1,344	672	672	0	0	0	672	672	0	398		
10	Đường giao thông Thôn 1, Năm N'Jang	154	0	154	77	77	0	0	0	77	77	0	27		
<b>5</b>	<b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>10,925</b>	<b>0</b>	<b>6,968</b>	<b>3,465</b>	<b>3,465</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3,503</b>	<b>3,503</b>	<b>0</b>	<b>575</b>		
11	Trường TH Trung Vương; hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng, 02 tầng	5,225	0	4,180	2,090	2,090	0	0	0	2,090	2,090	0	273		
12	Trường THCS Lê Quý Đôn xã Trường Xuân, hạng mục: Nhà đa năng	1,900	0	1,000	500	500	0	0	0	500	500	0	100		
13	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng xã Trường Xuân; Hạng mục: 06 phòng, 02 tầng, nhà bếp.	3,800	0	1,788	875	875	0	0	0	913	913	0	200		
<b>III</b>	<b>Các nhiệm vụ thực hiện năm 2024</b>	<b>3,057</b>	<b>957</b>	<b>2,193</b>	<b>2,193</b>	<b>0</b>	<b>2,193</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)														
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			350	350		350	0		0	0	0			
2	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường														
	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và GDTX			200	200		200	0		0	0	0			
3	Nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn														
	Phòng Giáo dục và Đào tạo			350	350		350	0		0	0	0			
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở														
	Xã Đak N'Drung			250	250		250	0		0	0	0			
5	Phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu														
	Hội liên hiệp Phụ nữ huyện			150	150		150	0		0	0	0			
6	Công tác quy hoạch														
	Quy hoạch chung xây dựng xã Đak Mól, huyện Đak Song đến năm 2035	401	350	51	51		51	0		0	0	0			
	Quy hoạch chung xây dựng xã Đak Hoà, huyện Đak Song đến năm 2035	331	110	100	100		100	0		0	0	0			
	Quy hoạch chung xây dựng xã Trường Xuân, huyện Đak Song đến năm 2035	373	110	150	150		150	0		0	0	0			
	Quy hoạch chung xây dựng xã Năm N'Jang, huyện Đak Song đến năm 2035	372	127	100	100		100	0		0	0	0			
	Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Bình, huyện Đak Song đến năm 2035	327	100	100	100		100	0		0	0	0			
	Quy hoạch chung xây dựng xã Đak N'Drung, huyện Đak Song đến năm 2035	416	160	192	192		192	0		0	0	0			
	Quy hoạch chung xây dựng xã Thuận Hạnh, huyện Đak Song đến năm 2035	439	0	100	100		100	0		0	0	0			
	Quy hoạch chung xây dựng xã Thuận Há, huyện Đak Song đến năm 2035	398	0	100	100		100	0		0	0	0			

